TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-06-2021
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu H

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đ; Ông Đỗ Văn K

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai H- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Th -Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXX-ST ngày 05/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị A**, sinh năm 1979, có đơn vắng mặt.

Bị đơn: **Ông Phan Trung B**, sinh năm 1978, vắng mặt.

Cùng địa chỉ nơi cư trú: phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

NỘI A VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

Bà A và ông Phan Trung B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi việc, không còn tôn trọng, yêu thương lẫn nhau. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện nhưng hai bên không tìm ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, bà A đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Phan Lê Trung C, sinh ngày 01/12/2011. Bà A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Trung B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nguyên đơn vắng mặt hợp lệ; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về nội A vụ án: Cuộc sống hôn nhân của bà A, ông B đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A; Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 của Luật HNGĐ năm 2014 giao cháu Phan Lê Trung C cho bà A chăm sóc nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Bà A không yêu cầu nên không xem xét; án phí áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án bà A phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn"* do bà Lê Thị A khởi kiện. Bị đơn ông Phan Trung B có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại khu phố 3, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị A có đơn xin vắng mặt hợp lệ; Bị đơn ông Phan Trung B trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng ông B vắng mặt không có lý do, việc ông B không đến Tòa để tham gia tố tụng là đương nhiên từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3].Nội A vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vào sổ đăng ký kết hôn số 68, quyển số 01/2012 ngày 01/06/2012. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây

là hôn nhân hợp pháp. Do vậy bà A có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông B là có căn cứ.

Xét hôn nhân của bà A và ông B: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần để bà A và ông B có cơ hội hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông B không hợp tác. Bà A đến nay vẫn giữ nguyên nguyện vọng được ly hôn, bà cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong mọi việc, không còn tôn trọng, yêu thương lẫn nhau, nhiều lần nói chuyện nhưng hai bên không tìm ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đối với bị đơn ông Phan Trung B, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, ông B biết được bà A có yêu cầu ly hôn nhưng ông không đến Tòa án để thể hiện ý chí nguyện vọng hàn gắn gia đình cũng như đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của mình. Do vậy, Hội đồng xử căn cứ vào những tài liệu-chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, nhưng trong cuộc sống chung của bà A và ông B có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Về con chung: Bà A và ông B có 01 con chung tên Phan Lê Trung C, sinh ngày 01/12/2011. Xét, cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ; ông B biết được yêu cầu của bà A về việc nuôi con nhưng ông không có ý kiến gì, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, giao cháu C cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và vay, nợ chung: Bà A không yêu cầu; ông B không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5].Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị A được ly hôn với ông Phan Trung B *(Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2012 ngày 01/06/2012 do Ủy ban phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp).*

2. Về nuôi con chung: Giao Phan Lê Trung C, sinh ngày 01/12/2011 cho bà Lê Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông B đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và vay, nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm*:* Bà A phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0025081 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Đồng Xoài.

5. Quyền kháng cáo: Bà A, ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND TP. Đồng Xoài;
-Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
-UBND nơi ĐKKH;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA